TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 635/2019/HNGĐ-ST Ngày: 13-6-2019 V/v Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Nam
2. Ông Nguyễn Văn Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 13/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 501/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về vụ việc tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2285/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Kiết V, sinh năm: 1985
Địa chỉ: 494/36 đường H, Phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Dang An M, sinh năm: 1972
Quốc tịch: Australian (Úc)
Địa chỉ: 2/48-50 X NSW 2142 Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của bà Dương Kiết V trình bày:

Bà và ông Dang An M tự nguyện kết tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/12/2011 vào sổ đăng ký kết hôn số 4142, quyển số 16 ngày 16/12/2011.

Thời gian đầu thời kỳ hôn nhân, bà và Ông Dang An M chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian ngắn thì ông Dang An M trở về Úc sinh sống và làm việc. Năm 2012, bà sang Úc đoàn tụ gia đình. Trong quá trình chung sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng về lối sống và cách nghĩ hoàn toàn khác biệt.

Năm 2015, bà trở về Việt Nam còn ông Dang An M vẫn ở lại Úc. Từ khi về Việt Nam đến nay thì giữa bà và ông Dang An M không liên lạc để giải quyết mâu thuẫn. Bà nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc lại không có khả năng đoàn tụ nên tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị được ly hôn với Ông Dang An M để đôi bên ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Dang Luu W, sinh ngày 25/7/2013. Bà V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trẻ Dang Luu W và bà không yêu cầu ông Dang An M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Dang An M trình bày:

Tại Đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt 09/01/2019 đã được chứng nhận chữ ký ngày 09/01/2019 tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Sydney – Australia có nội dung:

Ông và bà Dương Kiết V tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 4142 quyển số 16 ngày 16/12/2011 tại ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian sống chung vợ chồng, ông và Bà V có 01 con chung là Dang Luu W, sinh năm 2013. Khoảng gần 02 năm nay, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xung đột, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng lại không ở gần nhau nên tình cảm phai nhạt không còn tình cảm và không muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Nên ông cũng đồng ý ly hôn với Bà V để cả hai ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Dang Luu W, sinh ngày 25/7/2013. Ông đồng ý để Bà V là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Dang Luu W đến khi trưởng thành. Ông mong muốn Bà V tạo điều kiện thuận lợi cho ông có thể thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ trẻ Dang Luu W và không có sự ngăn cản hay gây khó khăn nào.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Dang An M có Đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt 09/01/2019 đã được chứng nhận chữ ký ngày 09/01/2019 tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Sydney – Australia. Bà Dương Kiết V có Đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án kể cả hòa giải và xét xử ngày 28/12/2018 nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Dương Kiết V có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/12/2011 cấp cho bà Dương Kiết V và ông Dang An M vào sổ đăng ký kết hôn số 4142, quyển số 16 ngày 16/12/2011 thì hôn nhân giữa Bà V và Ông M là hôn nhân hợp pháp.

Bà V yêu cầu được ly hôn ông Dang An M vì bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có. Từ khi mâu thuẫn phát sinh, hai bên thừa nhận không có liên lạc để giải quyết bất đồng. Ông Dang An M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà V.

Do mâu thuẫn, bất đồng không giải quyết được, điều kiện sống mỗi người mỗi nơi, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Kiết V để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng sau này.

Con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Dang Luu W, sinh ngày 25/7/2013, giới tính: Nam, quốc tịch: Australian (Úc). Hiện trẻ Dang Luu W đang sống cùng Bà V. Ông M và Bà V thỏa thuận giao con chung cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, Bà V không yêu cầu ông Dang An M cấp dưỡng nuôi con chung.

Đây là sự tự nguyện của cả nguyên đơn và bị đơn dựa trên ý chí cá nhân, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên, giao con chung cho bà Dương Kiết V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ phát triển toàn diện, không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao trẻ Dang Luu W, sinh ngày 25/7/2013, giới tính: Nam, quốc tịch: Australian (Úc) cho

Bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành là phù hợp quy định.

Tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Dương Kiết V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Kiết V.

Quan hệ hôn nhân: Bà Dương Kiết V được ly hôn với ông Dang An M.

Con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Dang Luu W, sinh ngày 25/7/2013, giới tính: Nam, quốc tịch: Australian (Úc).

Giao con chung là trẻ Dang Luu W, sinh ngày 25/7/2013 cho bà Dương Kiết V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Dang An M.

Ông Dang An M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Kiết V chịu 300.000 đồng được cấn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí số 0049843 ngày 04/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà Dương Kiết V nhận tống đạt hợp lệ bản án. Đối với ông Dang An M thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên